

LỄ TẾ TRÂU TỘC HỌ KUBAW MA-IH

ကုပာဝ မာအို

Về mục đích cúng tế trâu cho thần yang *Po Klaong giray* ရဟံ ကော့ ဂီရေယာဝ် và các thần yang khác . Nghi lễ không ngoài mục đích để trả lễ theo định kỳ và cầu xin phù hộ độ trì mưa thuận gió hòa , mùa màng tươi tốt bội thu cũng như gia đình tộc họ được mạnh khỏe và hạnh phúc. Về tổ chức do gia đình tộc họ đóng góp tiền của và công sức tổ chức thực hiện. Nghi lễ có định kỳ 7 năm một lần , nhằm vào năm Sửu và năm Mùi đã có từ lâu đời , với thời gian trong 2 ngày và một đêm vào các buổi sáng , trưa, chiều, tối và kết thúc trong ngày thứ tư hoặc thứ bảy hạ tuần tr ăng hay thượng tuần trăng và phải là ngày chẵn không kỵ và địa điểm hành lễ thì tại một sân bãi ngoài làng . Nghi lễ do chức sắc *Ong kadhar* ဝုၤ ကာသား thầy kéo đàn nhị *rabep* ရာပေဉ် chủ lễ . Với các thành phần chức sắc , chức việc đồng hành lễ thì có - Chức sắc bà bóng *Muk pajuw* မုၢ် ပာဘွၢ် - Chức việc bà phụ giúp bà bóng *Muk sabri* မုၢ် ဟဲဉ် - Chức việc ông thầy giữ kho *Ong gileng* ဝုၤ ဂီလေၣ် - Chức việc ông thầy giữ trâu tế thần yang *Ong acaow* ဝုၤ အာအောဝ် - Chức việc ông thầy đánh chiêng *Ong céng* ဝုၤ ခေၣ် - Chức việc ông chủ nhà *Ong po sang* ဝုၤ ပာစာၣ် ,

Về thú vật , gia cầm và các món ăn trong nghi lễ thì có 1 con trâu đen *kubaw tanaow juk* ကုပာဝ တာနောဝ် ဟုၣ် , 1 con dê *pabaiy* ပာပေါၣ် và 2 con gà *manuk* မာဏုၣ် , cá *ikan* ဣၣ် , hai con cá nhám khô *ikan yau thu* ဣၣ် ယော့ထူ và khoản 5 ký cá khô *arik* အရိၣ် , Với các món ăn trong nghi lễ thì có : Cơm *Lisei* လီၤစီ - Thịt trâu *Rilaow kubaw* ရီလောဝ် ကုပာဝ - Thịt dê *Rilaow pabaiy* ရီလောဝ် ပာပေါၣ် - Thịt gà *Rilaow manuk* ရီလောဝ် မာဏုၣ် , - Canh môn thịt trâu *Aia habai njem labua rilaow kubaw* အိၣ် အာဟပေါၣ် နီၣ် ရီလောဝ် ကုပာဝ - Canh môn xương trâu *Aia habai njem labua talang kubaw* အိၣ် အာဟပေါၣ် နီၣ် ရီလောဝ် တလံၣ် ကုပာဝ - Nước súp trâu *Aia tanut kubaw* အိၣ် အာတနုၣ် ကုပာဝ - Cá kho *Ikan khaow* ဣၣ် ကောဝ် - Canh cá *Aia habai ikan* အိၣ် အာဟပေါၣ် ဣၣ် - Cá khô rang *Arik hana* အရိၣ် အာ - Cá nhám khô nướng *Arik ikan yau aem* အရိၣ် ဣၣ် ယော့အေမ် - Rau ghém *Giaim* ဂီၤအိမ် - Món gỏi *Liba* လီပာ - Mắm chấm *Masin* မာဆိမ် - Muối hạt *Sara* ဟဲဉ် ,

Các vật lễ khác thì có gạo tẻ *brah* ဗြာ , gạo nếp *brah ndiép* ဗြာ နီၣ် , nước trà *aia caiy* အိၣ် အီၣ် , quả trứng gà *baoh manuk* ပာဟံ မာဏုၣ် , trầu cau *hala panâng* ဟလာ ပာနံၣ် , rượu *alak* အာလဲၣ် và ché rượu cần *caih aia tapai* ခါၣ် အီၣ် တပါၣ် . Với các loại bánh trái thì có - Bánh tét cặp *Pei nung binah* ပေါၣ် နုၣ် ပီၣ် - Bánh bột gạo hấp *Hakul* အာလဲၣ် - Bánh tráng *pei cem* ပေါၣ် ခေမ် - Chuối *Patei* ပာတီ - Hạt nổ *Kamang* ကမံၣ် ,

Về nhạc cụ và ca vũ thì có : Cây đàn nhị *rabep* ရာပေဉ် , cái trống vỗ *baranâng* ပာရံၣ် , cái chiêng *céng* ခေၣ် . Còn về ca vũ thì có các bài hát

công ơn sự nghiệp thần yang của chức sắc *ong kadhar* ཨོང་ཀཱཌམ་ , lời khấn
vái của các thành phần chức sắc chức việc và các điệu múa c của bà bóng
muk pajuw མུག་པེའུའུ་ , với các vật dụng thiết yếu.

Quảng Văn Đại